TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hơn

2. Bà Võ Thị Lệ

Thư ký phiên tòa: Bà **Cà Thị Lan** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Cẩm T1**, sinh năm 2002 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Nguyễn Anh T2**, sinh năm: 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 trình bày:

Chị và Anh T2 do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh chị chung sống với gia đình chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị phát hiện nhưng cũng không nói gì, sau đó anh năn nỉ chị cũng bỏ qua, đến năm 2021 thì anh phát sinh đá gà, bắn cá, chị nhiều lần khuyên nhủ mà anh không thay đổi, đến ngày 14/02/2023 chị kêu anh rước con mà mê chơi đá gà, bắn cá mà quên

rước con, hai vợ chồng cải nhau nhiều lần về chuyện chơi cờ bạc của anh T2, chị đã nhiều lần khuyên nhủ, cha mẹ chồng cũng khuyên nhưng anh T2 không thay đổi, mọi thứ chi phí cho 02 con đều do chị lo liệu, chị không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú M, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Bảo K, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện bé M đang sống chung với chị, bé K đang sống chung với anh T2 (do chị là công nhân, lúc cải nhau chị đi làm tăng ca về tối nên chị về nhà chị luôn, 03 ngày sau không phải tăng ca nên chị mới về nhà chồng rước Khang về nhưng chồng và cha mẹ chồng không cho, rồi còn hăm dọa đánh đập nên chị không dám về thăm con). Nay chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Anh Nguyễn Anh T2 là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh T2 cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh T2 đối với yêu cầu ly hôn của chị T1 cho Tòa án nên không có lời trình bày của anh T2.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T1, cho chị T1 được ly hôn với anh T2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú M, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Bảo K, sinh ngày xx/x/xxxx cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 không cấp dưỡng do chị T1 không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T1 yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Anh T2, sinh năm 2001, ngụ tại ấp H, xã B, huyện G nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh T2 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Anh T2.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Anh T2 có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T1, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị T1 phát hiện nhưng cũng không nói gì, sau đó anh T2 năn nỉ chị cũng bỏ qua, đến năm 2021 thì anh phát sinh đá gà, bắn cá, chị nhiều lần khuyên nhủ mà anh không thay đổi, đến ngày 14/02/2023 chị kêu anh rước con mà mê chơi đá gà, bắn cá mà quên rước con, hai vợ chồng cải nhau nhiều lần về chuyện chơi cờ bạc của anh T2, chị đã nhiều lần khuyên nhủ, cha mẹ chồng cũng khuyên nhưng anh T2 không thay đổi, mọi thứ chi phí cho 02 con đều do chị lo liệu, chị không thể tiếp tục cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T2. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh T2 biết nội dung yêu cầu ly hôn của chị T1, tuy nhiên anh T2 vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T1, để mặc cho chị với yêu cầu ly hôn mà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, anh T2 không quan tâm đến kết quả giải quyết đối với quan hệ hôn nhân của anh và chị T1. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1 với anh T2 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tú M, sinh ngày 02/7/2019 và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 21/02/2022. Ly hôn, chị T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của M và hơn nữa cháu M là con gái rất cần có sự chăm sóc của người mẹ trong sự phát triển bình thường của người phụ nữ, đối với cháu K là con trai nhưng còn rất nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao 02 con chung là Nguyễn Thị Tú M, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Bảo K, sinh ngày x/xx/xxxx cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và chị không có yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T1 có yêu cầu ly hôn nên chị T1 phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T1 và anh Nguyễn Anh T2 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con tên Nguyễn Thị Tú M, sinh ngày xx/x/xxxx và Nguyễn Bảo K, sinh ngày x/xx/xxxx cho chị Nguyễn Thị Cẩm T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T1 không có yêu cầu.

Anh Nguyễn Anh T2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028649 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Cẩm T1 đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và anh T2 được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Bình Nghị, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh